

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Thủy

Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Vinh – Thư ký Tòa án Gò Vấp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1255/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2017/QĐST – HNGĐ ngày 29/12/2017) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: phường 17, quận Gò Vấp, TPHCM.

Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1952. Nơi cư trú cuối cùng: phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Đ bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 171/2017/QĐDS-ST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TPHCM).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Phạm Thị Đ và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Phạm Thị Đ và ông Trần Văn Đ kết hôn năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 096, quyển số 1/2012 do Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/5/2012.

Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại địa chỉ phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà chung sống đến tháng 01/2014 thì ông Đ tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không về. Gia đình tìm kiếm nhiều nơi không có kết quả.

Bà Đ đã làm thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt là ông Trần Văn Đ, sinh năm 1952 tại nơi cư trú cuối cùng là địa chỉ phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có kết quả.

Bà Đ cũng đã yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích là ông Trần Văn Đ, sinh năm 1952 tại nơi cư trú cuối cùng là địa chỉ phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 171/2017/QĐDS-ST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian sống chung ông bà không có con chung, không có tài sản chung.

Thời gian tìm kiếm đã lâu, nên bà Đ yêu cầu ly hôn ông Đ để ổn định cuộc sống của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Phạm Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do tình trạng sức khỏe yếu. Bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu như nêu trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại quận Gò Vấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Trần Văn Đ có nơi cư trú tại cuối cùng tại địa chỉ phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên bà Phạm Thị Đ gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đ và ông Đ kết hôn và chung sống năm 2012; Cả hai có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 096, quyển số 1/2012 do Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/5/2012. Nay bà Đ yêu cầu ly

hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2. Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Trần Văn Đ bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 171/2017/QĐDS-ST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Đ thuộc trường hợp ly hôn với người bị tòa án tuyên bố mất tích quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn cho biết thời gian chung sống bị đơn thường nhậu nhẹt say xỉn nên cả hai thường gây gổ, cãi vã nhau.

Về con chung và tài sản chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

Ông Đ bị Tòa án tuyên bố mất tích nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 3 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự quy định: “Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình”; Khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”. Vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Đ được ly hôn ông Trần Văn Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 096, quyển số 1/2012 do Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/5/2012 không còn giá trị).

Về con chung và tài sản chung: Không xét.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Phạm Thị Đ chịu, nhưng được miễn trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Đ đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2017/0027491 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị